

Bản án số: 77/2026/HNGĐ-ST

Ngày 31/3/2026

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thúy và bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hải Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2026/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2026 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lương Thị H**, sinh năm 1984; CCCD số 030184023942; Nơi đăng ký thường trú và cư trú: Số A T, phường H, thành phố Hải Phòng.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1978; CCCD số 030078015906; Nơi đăng ký thường trú và cư trú: Số A T, phường H, thành phố Hải Phòng.

(Chị H, anh T vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Lương Thị H thể hiện: Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 13/6/2003 tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là phường H, thành phố Hải Phòng). Quá trình chung sống, do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T cờ bạc, đánh, chửi chị nhiều lần. Vợ chồng đã nói chuyện nhưng anh T không thay đổi. Từ năm 2023 - 2024, chị và anh T đã sống ly thân; tuy vợ chồng vẫn ở cùng nhà nhưng chị sinh hoạt ở một phòng riêng, hai bên không còn quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Công việc của chị và gia đình chị, anh T không quan tâm. Đến nay chị xác định vợ chồng chị không thể hàn gắn, đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Nguyễn Văn T1, sinh ngày 02/01/2003, Nguyễn Văn T2, sinh ngày 29/10/2005 và Nguyễn Ngọc T3, sinh ngày 06/11/2017. Khi vợ chồng ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung Nguyễn Ngọc T3, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hai cháu Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T2 đã thành niên, có khả năng lao động nên chị không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh nhất trí về thời gian, điều kiện kết hôn như chị H trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2023- 2024 đến nay, cuộc sống của ai người đó lo, không ai quan tâm đến ai. Chị H xin ly hôn, anh nhất trí. Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung như chị H trình bày là đúng. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đồng ý cho chị H trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Ngọc T3. Chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh nhất trí. Hai cháu Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T2 hiện đã thành niên, có đủ khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh biết việc chị H làm đơn ly hôn tại Tòa án, anh không muốn liên quan nên đến Tòa án làm việc, đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật và giải quyết vắng mặt anh.

Lời khai của bà Trần Thị C (mẹ đẻ anh T) thể hiện: Sau khi kết hôn, anh T, chị H sống với gia đình bà. Bà thấy anh chị không đánh cãi chửi nhau to tiếng lớn nhưng không nói chuyện gì với nhau hơn hai năm nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh T, chị H có ba con chung là cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 02/01/2003, Nguyễn Văn T2, sinh ngày 29/10/2005 và Nguyễn Ngọc T3, sinh ngày 06/11/2017, việc nuôi con là do anh chị tự quyết định, bà không can thiệp.

Ý kiến của cháu T3 xác định bố mẹ cháu sống với nhau không vui vẻ, không ai nói chuyện với ai. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn được ở với mẹ cháu.

Xác minh tại địa phương cung cấp anh T, chị H và các con sinh sống cùng nhà với bà Trần Thị C, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn như thế nào tổ dân phố không nắm được, đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND khu vực 8- Hải Phòng phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao cho chị Lương Thị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc T3, sinh ngày 06/11/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lương Thị H khởi kiện xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con với bị đơn là anh Nguyễn Văn T cư trú tại phường H, thành phố Hải Phòng. Do đó, TAND khu vực 8- Hải Phòng thụ lý, giải quyết, xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là đúng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường H, thành phố Hải Phòng) vào ngày 13/06/2003 trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị H đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm, chia sẻ, không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống chung không vui vẻ, hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2023-2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xin ly hôn, anh T nhất trí. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giải quyết cho chị H ly hôn anh T là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T có 03 con chung là Nguyễn Văn T1, sinh ngày 02/01/2003, Nguyễn Văn T2, sinh ngày 29/10/2005 và Nguyễn Ngọc T3, sinh ngày 06/11/2017. Khi ly hôn, chị H đề nghị được nuôi cháu T3 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, anh T nhất trí. HĐXX thấy chị H có công việc, thu nhập, có đủ điều kiện để nuôi con, quan điểm của các bên thống nhất, nguyện vọng của cháu T3 cũng muốn được ở với mẹ nên cần giao con chung Nguyễn Ngọc T3 cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, HĐXX chấp nhận, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với hai con chung của anh chị là Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn T2 hiện đã thành niên, đủ khả năng lao động, đương sự không đề nghị giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Đương sự không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

được sửa đổi bổ sung năm 2025; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Lương Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc T3, sinh ngày 06/11/2017 cho chị Lương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ tháng 3/2026 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lương Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn); đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000388 ngày 12/01/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8- Hải Phòng. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8- Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8- Hải Phòng;
- UBND phường Hải Dương, tp Hải Phòng để ghi vào sổ hộ tịch (CNKH số 76 ngày 13/6/2003);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Ngọc Mai